**DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ**

**THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

| **STT** | **Tên báo cáo** | **Đối tượng thực hiện báo cáo** | **Cơ quan nhận báo cáo** | **Tần suất thực hiện báo cáo** | **Văn bản quy định chế độ báo cáo** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Báo cáo kết quả hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ tại địa phương | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Khoa học và Công nghệ | Năm | Thông tư số 03/2019/TT-BKHCN[[1]](#footnote-2) |
| 2 | Báo cáo kết quả hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của bộ, ngành | Bộ, ngành | Bộ Khoa học và Công nghệ | Năm | Thông tư số 03/2019/TT-BKHCN |
| 3 | Báo cáo tình hình thực hiện tổng thể phát triển công nghiệp sinh học | Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Khoa học và Công nghệ | Năm | Thông tư số 03/2019/TT-BKHCN |
| 4 | Báo cáo tình hình thực hiện Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen | Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Khoa học và Công nghệ | Năm | Thông tư số 03/2019/TT-BKHCN |
| 5 | Báo cáo kết quả hoạt động của Khu công nghệ cao | Ban Quản lý khu công nghệ cao các tỉnh, thành phố | Bộ Khoa học và Công nghệ | Năm | Thông tư số 03/2019/TT-BKHCN |
| 6 | Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” | Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Khoa học và Công nghệ | Năm | Thông tư số 03/2019/TT-BKHCN |
| 7 | Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về đo lường | Cơ quan quản lý về KH&CN thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng | Năm  Năm | Thông tư số 03/2019/TT-BKHCN |
| 8 | Báo cáo tình hình quản lý hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa | Cơ quan quản lý về KH&CN thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng | Năm | Thông tư số 03/2019/TT-BKHCN |
| 9 | Báo cáo tình hình xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 | Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Khoa học và Công nghệ | Năm | Thông tư số 03/2019/TT-BKHCN |
| 10 | Báo cáo công tác thanh tra chuyên ngành KH&CN | Cơ quan quản lý về KH&CN thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Khoa học và Công nghệ | 06 tháng,  01 năm | Thông tư số 03/2019/TT-BKHCN |
| 11 | Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp khoa học và công nghệ | Doanh nghiệp khoa học và công nghệ | Cơ quan quản lý về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Năm | Thông tư số 03/2019/TT-BKHCN |
| 12 | Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động định kỳ đối với doanh nghiệp công nghệ cao/dự án ứng dụng công nghệ cao | Doanh nghiệp công nghệ cao | Bộ Khoa học và Công nghệ | Năm | Thông tư số 03/2019/TT-BKHCN |
| 13 | Báo cáo thực trạng tiến hành công việc bức xạ | Tổ chức tiến hành công việc bức xạ | Bộ Khoa học và Công nghệ/ Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Năm | Thông tư số 03/2019/TT-BKHCN |
| 14 | Báo cáo thực trạng công tác triển khai thực hiện dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử | Tổ chức dịch vụ hỗ trợ năng lượng nguyên tử | Bộ Khoa học và Công nghệ | Năm | Thông tư số 03/2019/TT-BKHCN |
| 15 | Báo cáo hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đối với phương tiện đo, chuẩn đo lường | Tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm | Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng | Năm | Nghị định số 105/2016/NĐ-CP[[2]](#footnote-3) |
| 16 | Báo cáo tình hình hoạt động đánh giá sự phù hợp /Báo cáo tình hình hoạt động công nhận | Tổ chức đánh giá sự phù hợp/Tổ chức công nhận | Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng | Năm | Nghị định số 107/2016/NĐ-CP[[3]](#footnote-4) |
| 17 | Báo cáo tình hình hoạt động đánh giá, giám định công nghệ | Tổ chức đánh giá, giám định công nghệ | Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ quản lý ngành, lĩnh vực | Năm | Nghị định số 76/2018/NĐ-CP[[4]](#footnote-5) |
| 18 | Báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ | Tổ chức khoa học và công nghệ | Bộ Khoa học và Công nghệ; Cơ quan quản lý về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Năm | Thông tư số 03/2019/TT-BKHCN |
| 19 | Báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao | Tổ chức, cá nhân thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao | Bộ Khoa học và Công nghệ | Năm | Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN[[5]](#footnote-6) |

1. Thông tư số 03/2019/TT-BKHCN ngày 26/6/2019 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ [↑](#footnote-ref-2)
2. Nghị định 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủquy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. [↑](#footnote-ref-3)
3. Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủquy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp. [↑](#footnote-ref-4)
4. Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. [↑](#footnote-ref-5)
5. Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ. [↑](#footnote-ref-6)